

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 170/2018/DS-ST
Ngày 12-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

2. Bà Trần Thị Kim Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên.

Trong 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 167/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Minh H, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 4, ấp Vĩnh Thuận, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 94, tổ 05, ấp Chánh Hưng, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn ông Võ Minh H trình bày:

Nguyên vào ngày 31 tháng 8 năm 2016, ông M có vay của ông số tiền 40.000.000 đồng để trả khoản vay của Quỹ tín dụng Mỹ Hòa (Hợp đồng tín dụng số 164084006), các bên có lập hợp đồng vay vốn đảo hạn ngân hàng (kiêm biên nhận), thời hạn vay là 06 ngày (từ ngày 31/8/2016 đến ngày 06/9/2016).

Đến hạn trả nợ ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến nay ông M còn nợ ông số tiền vốn 40.000.000 đồng. Khi vay tuy trong hợp đồng có ghi là ông nhận một số tài sản của ông M, gồm: 01 chứng minh nhân dân bản chính, sổ hộ khẩu bản chính và toàn bộ tài sản trong hợp đồng vay của Quỹ tín dụng Mỹ Hòa, nhưng thực chất ông chỉ nhận 01 giấy chứng minh nhân dân của ông M và sau 02 ngày ông M đã yêu cầu ông trả lại để ông M làm thủ tục vay tiền tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam. Đến thời điểm hiện nay ông không giữ bất kỳ một tài sản hay giấy tờ gì của ông M.

Nay ông yêu cầu ông M phải trả vốn 40.000.000 đồng và lãi 8.400.000 đồng.

Ngoài ra, ông H không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông M vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi ông M trả vốn 40.000.000 đồng và rút yêu cầu đối với số tiền lãi 8.400.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn M Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, coi như ông M đã từ bỏ quyền của mình. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tòa án có tiến hành công khai các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nguyên đơn có giao chứng cứ cho bị đơn nhưng bị đơn không có ý kiến phản bác hoặc phản tố lại đối với yêu cầu và chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp đồng vay vốn đáo hạn ngân hàng (kiêm biên nhận), với nội dung ông M có vay của ông H 40.000.000 đồng, thời hạn vay 06 ngày. Tuy trong hợp đồng có ghi ông M phải trả vốn gốc và lãi nhưng không ghi lãi suất bao nhiêu, tại phiên tòa ông H cũng thừa nhận là vay không lãi, nên có cơ sở xác định giao dịch giữa các đương sự là hợp đồng vay không có lãi. Việc ký kết hợp đồng vay giữa các đương sự là sự thỏa thuận tự nguyện, do ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông H yêu cầu ông M trả số tiền nêu trên là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút lại phần yêu cầu đòi ông M phải trả số tiền lãi 8.400.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu về lãi là sự tự nguyện của nguyên đơn có lợi cho bị đơn, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn.

Về án phí: Đề nghị đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của các đương sự: Hợp đồng vay vốn đáo hạn ngân hàng (kiêm biên nhận) ngày 31/8/2016; Phiếu gửi chứng cứ; Biên bản xác minh ngày 11/5/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là về hợp đồng dân sự vay tài sản; bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu đòi bị đơn trả số tiền lãi 8.400.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi của nguyên đơn là tự nguyện, có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi tiền lãi 8.400.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thì được chính quyền địa phương xác nhận ông M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và có thường xuyên về thăm nhà nhưng không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án thì xem như ông M đã từ bỏ quyền của mình nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông M là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về áp dụng pháp luật tranh chấp quan hệ giao dịch của các bên được xác lập vào ngày 31 tháng 8 năm 2016 thời điểm Bộ luật Dân sự 2005 đang có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, giao dịch dân sự của các bên chưa được thực hiện mà có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự hiện hành (năm 2015) thì áp dụng luật hiện hành để giải quyết. Trong vụ án này giao dịch của các bên đảm bảo nội dung vay không có lãi và hình thức bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015, Tòa án áp dụng luật Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 31 tháng 8 năm 2016, ông M có vay của ông H số tiền 40.000.000 đồng để trả khoản vay của Quỹ tín dụng Mỹ Hòa (Hợp đồng tín dụng số 164084006), các bên có lập hợp đồng vay vốn đáo hạn ngân hàng (kiêm biên nhận), thời hạn vay là 06 ngày (từ ngày 31/8/2016 đến ngày 06/9/2016), đến hạn trả nợ ông M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến nay ông

M còn nợ ông H số tiền vốn 40.000.000 đồng, nay ông H yêu cầu ông M phải trả vốn 40.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Về xác định chứng cứ trong vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn M Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án có nêu rõ nội dung khởi kiện và yêu cầu của nguyên đơn cùng các chứng cứ kèm theo là hợp đồng vay đáo hạn ngân hàng (kiêm nhận nợ), nhưng ông M không khiếu nại, cũng không có ý kiến phản bác hay phản tố lại đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Căn cứ tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, có căn cứ để xác định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là hợp đồng vay đáo hạn ngân hàng (kiêm biên nhận) là chứng cứ để giải quyết vụ án.

Xét hợp đồng vay đáo hạn ngân hàng (kiêm biên nhận), Hội đồng xét xử nhận định: Giao dịch vay tiền xác lập ngày 31/8/2016 giữa ông M với ông H được lập thành văn bản, các bên có thỏa thuận số tiền vay và thời hạn thanh toán vốn, lãi, có chữ ký của bên cho vay là ông H, có chữ ký, điểm chỉ của bên vay là ông M. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, kèm biên nhận thì ông M có vay của ông H số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 31/8/2016 đến ngày 06/9/2016. Giao dịch giữa các bên là tự nguyện thỏa thuận, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 463 Bộ luật Dân sự, nên làm phát sinh, quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Đồng thời, việc vay tiền của ông M đã được chị Thu Phương là chị ruột, sống chung nhà xác nhận ông M có vay tiền của ông H. Đến hết thời hạn vay nhưng ông M không trả tiền vay cho ông H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông M phải trả cho ông số tiền vốn 40.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Đối với số tiền lãi 8.400.000 đồng, tại phiên tòa nguyên đơn đã rút yêu cầu, xét thấy việc rút yêu cầu đòi lãi là sự tự nguyện của nguyên đơn, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu đòi 8.400.000 đồng tiền lãi của nguyên đơn đối với bị đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] Về án phí:

Với yêu cầu được chấp nhận và rút một phần yêu cầu đòi tiền lãi nên nguyên đơn ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh H đòi ông Nguyễn Văn M trả 8.400.000 đồng tiền lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh H đòi ông Nguyễn Văn M phải trả tiền vốn vay.

Buộc ông Nguyễn Văn M phải có trách nhiệm trả cho ông Võ Minh H số tiền 40.000.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn M phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Võ Minh H được nhận lại 1.221.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017410 ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Giũ Nguyễn Hoàng Tuấn

Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3
- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi